

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 243/2024/DS-PT

Ngày: 13/5/2024

V/v tranh chấp về BTTH do danh dự,
nhân phẩm, uy tín bị xâm hại”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Các Thẩm phán:

Bà Kiều Kim Xuân

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Xuyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Thị Được - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14/12/2023, ngày 06/5/2024 và ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp dân sự - Bồi thường thiệt hại, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại*”;

Do bản án dân sự số: 123/2023/DS-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 324/2023/QĐPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1969;

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Lê Bích P, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện ủy quyền của chị Nguyễn Thị Kim N: ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1969, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng ủy quyền ngày 12/5/2023.

-Người làm chứng:

+ Bà Lê Thị M, sinh năm 1948;

+ Anh Huỳnh Huyện P1, sinh năm 1984;

+ Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1963;

+ Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1950;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Bà Nguyễn Thị H nhiều lần xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của ông Nguyễn Minh T. Nguyên nhân do bà H đã bịa đặt thông tin về việc mẹ ruột đã già không còn minh mẫn để viết ra giấy nội dung “*mẹ ruột đồng ý giao bà H toàn quyền sử dụng tất cả đất thổ cư của anh, chị em*”. Ông T đã trình báo địa phương nhiều lần. Cụ thể:

Tháng 4/2019, bà H tố cáo ông T lên UBND xã T nói ông T lấn ranh đất trường THCS T3; tố cáo ông T lên Công an xã T nói ông T ban đêm rình nhà và rình bồn nuôi lợn. Nhiều lần bà H đến Đảng ủy xã T thưa ông T để nhằm mục đích đuổi việc ông T nhưng lý do gì thì ông T không rõ. Tố cáo ông T đến UBND huyện T cho rằng phần diện tích đất ông T đang ở là chiếm của Nhà nước. Ngoài ra, bà H còn có các hành vi chửi bới gia đình ông T và bản thân ông T.

Ngày 13/3/2020, bà H tiếp tục chửi mắng ông T, dùng lời lẽ hăm dọa và dùng cây để tấn công ông T nhưng được mọi người can ngăn.

Ngày 14/3/2020, bà H tiếp tục chửi mắng và đe dọa “*nếu mày làm đơn thưa tao, tao đánh bể đầu mày*”.

Ngày 17/4/2020, khi Ban N2, xã T, huyện T mời làm việc thì bà H có thừa nhận về hành vi chửi mắng thô tục, đe dọa lăng mạ cả gia đình ông T và cam kết không vi phạm.

Ngày 22/4/2020, bà H cũng thừa nhận với Công an xã chửi mắng lăng mạ, đe dọa gia đình ông T. Công an xã có ra quyết định xử phạt hành chính bà H số tiền 200.000 đồng.

Ngày 08/01/2021, tại biên bản hòa giải của Ban N2, xã T, bà H thừa nhận các hành vi sai trái của mình và hứa sẽ không còn quậy phá và chửi ông T nữa.

Ngày 17/5/2021, bà H làm đơn tố cáo ông T đến Ban N2, xã T với nội dung “cho rằng ông T vu khống bà H bán con Ngọc Á 100.000.000 đồng”.

Ngày 23/9/2021, 24/9/2021 bà H chửi và đe dọa gia đình ông T “*nói vợ ông T làm chứng từ không để con rể hưởng 20.000.000 đồng tiền lắp ráp Camera cho T2 Mâm non xã T*”.

Bà H nhiều lần dùng lời lẽ thô tục, lăng mạ, đe dọa bản thân và gia đình ông T. Chính quyền địa phương có nhiều lần mời ông T và bà H đến để làm việc (vận động, hòa giải mâu thuẫn) nhưng không được.

Tại đơn khởi kiện ngày 14/12/2021, khởi kiện bổ sung ngày 12/4/2022, ông T yêu cầu bà H bồi thường tổn thất tinh thần, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm số tiền là 65.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ông T thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị H bồi thường số tiền 60.000.000 đồng.

-Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Việc ông Nguyễn Minh T trình bày và các tài liệu chứng cứ giao nộp cho Tòa án là bịa đặt, không đúng sự thật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà H yêu cầu ông T phải bồi thường ngày công lao động do đi lại nhiều lần số tiền 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa ngày 19/10/2022 bà H đã rút lại yêu cầu này, không yêu cầu Tòa xem xét.

Ông T yêu cầu bà H bồi thường tổn thất tinh thần, thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm số tiền là 60.000.000 đồng, bà H không đồng ý.

- Người liên quan:

+ Bà Lê Bích P không yêu cầu gì đối với bà Nguyễn Thị H.

+ Chị Nguyễn Thị Kim N ủy quyền ông Nguyễn Minh T: không yêu cầu gì đối với bà Nguyễn Thị H.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 123/2023/DS-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án huyện Thanh Bình đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải bồi thường tổn thất tinh thần, thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm số tiền bồi thường là 60.000.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Minh T được miễn nộp tiền án phí.
Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 23/6/2023 ông Nguyễn Minh T kháng cáo yêu cầu xem xét vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kháng cáo, yêu cầu bị đơn bà H bồi thường tổn thất tinh thần, thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm số tiền là 60.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H không đồng ý.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Về nội dung, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng:

Vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thụ lý số 290/2023/TLST-DS ngày 19/10/2023 và Chánh án Tòa án Tỉnh phân công Thẩm phán Nguyễn Thị V giải quyết vụ án.

Đến ngày 16/11/2023 Thẩm phán đã ra Quyết định số 324/2023/QĐ-PT đưa vụ án ra xét xử; Ngày 04/12/2023 do có người liên quan Lê Bích P vắng mặt tại phiên tòa (lần 1) nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa ngày 14/12/2023. Tại phiên tòa ông Nguyễn Minh T cho rằng việc bà H có hành vi xúc phạm danh dự nhân phẩm đối với ông đã bị Công an xã T, huyện T xử phạt hành chính nhưng ông không cung cấp được quyết định xử phạt hành chính đối với bà H nên ông T đề nghị cho thời gian để cung cấp chứng cứ này nên Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa; đồng thời Tòa án cũng có công văn đề nghị cung cấp thông tin và được Công an xã T trả lời tại công văn số 06/CAX ngày 14/01/2024.

Xét thấy, lý do tạm ngừng phiên tòa không còn nên Hội đồng xét xử mở lại phiên tòa.

Ngày 06/4/2024 ông T có đơn yêu cầu thay đổi Hội đồng xét xử vì cho rằng “sợ” Hội đồng xét xử không khách quan khi giải quyết vụ án, nhưng ông T không có chứng cứ chứng minh việc Hội đồng xét xử không vô tư, khách quan như thế nào; đồng thời cũng không thuộc trường hợp phải thay đổi Hội đồng xét xử theo quy định tại Điều 52, 53, 56 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Từ đó, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định: Không chấp nhận yêu cầu thay đổi Hội đồng xét xử của ông Nguyễn Minh T.

[2] Ông Nguyễn Minh T kháng cáo yêu cầu bà H bồi thường tổn thất tinh thần, thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm số tiền 60.000.000 đồng. Xét thấy:

[2.1] Ông T cho rằng xuất phát từ nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H đã bịa đặt thông tin về việc mẹ ruột đã già không còn minh mẫn để viết ra giấy nội dung “*đồng ý giao bà H toàn quyền sử dụng tất cả đất thổ cư của anh, chị em*”. Nên kể từ tháng 04/2019 đến nay bà H dùng nhiều lời lẽ thô tục chửi mắng, nhục mạ làm cho ông T bị tổn thất tinh thần, danh dự, nhân phẩm uy tín gây thiệt hại số tiền lên đến 60.000.000 đồng.

[2.2] ông T cho rằng, việc bà H trong thời gian dài dùng lời lẽ nhục mạ, chửi mắng đã làm cho ông không đi làm được dẫn đến mất thu nhập cá nhân. Nhiều lần bị chính quyền địa phương mời đến giải quyết làm cho tinh thần bị suy giảm, ảnh hưởng sức khỏe bản thân, bản thân cảm thấy bất an, bị mọi người xa lánh, kỳ thị, sứt cân vì lo lắng, sợ hãi trong thời gian qua.

Xét thấy việc bà H thừa nhận có “la rầy ông T hơi lớn tiếng, có chửi ông T vì ông quá hỗn và cam kết không chửi nữa” (BL 42, 39), là có thật, có bị chính quyền địa phương mời làm việc. Nhưng đây là việc cãi vã giữa các bên, hành vi này của bà H cũng chưa bị xử phạt hành chính. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông T không cung cấp được các tài liệu chứng cứ cho vấn đề ông bị thiệt hại do bà H gây ra; không chứng minh được về mặt xã hội ông bị xa lánh, kỳ thị, không chứng minh được các khoản chi phí hợp lý về điều trị bệnh và thực tế thu nhập bị mất.

[2.3] Các ghi âm ông T giao nộp cho Tòa án không đảm bảo tính hợp pháp, cũng như không chứng minh được việc bà H gây ra thiệt hại cho ông.

[2.4] Các người làm chứng như anh Huỳnh Huyện P1, ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị N1 (BL 134 - 136) đều trình bày không chứng kiến việc bà H chửi ông T. Riêng tại biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị M1 thì cho rằng có chứng kiến việc bà H chửi ông T (BL 137). Tại các bản khai, cũng như tại phiên tòa bà H trình bày sự việc là do giữa bà và ông H cự cãi với nhau nhiều lần, chứ không phải riêng một mình bà xúc phạm ông T và cũng chưa từng bị chính quyền địa phương xử phạt hành chính về bất cứ hành vi chửi xúc phạm danh dự nhân phẩm ông T.

[2.5] Xét thấy, ngày 23/11/2023 Công an xã T có công văn trả lời đơn cho ông Nguyễn Minh T (theo Biên bản làm việc số 15/BBLV ngày 23/11/2023); bà H không dùng lời lẽ thô tục hay chửi mắng gì thêm đối với ông T, nên chưa đủ điều kiện để xử phạt hành chính đối với bà H. Đồng thời, tại công văn số 06/CAX ngày 14/01/2024 của Công an xã T, huyện T thể hiện Công an xã T không cung cấp được quyết định xử phạt hành chính bà H về hành vi chửi xúc phạm danh dự nhân phẩm đối với ông T.

[2.6] Do đó, xét thấy việc ông Nguyễn Minh T yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải bồi thường tổn thất tinh thần, thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm mà ông phải chịu do hành vi vu khống, đe dọa, nhục mạ của bà H số tiền bồi thường là 60.000.000 đồng; Tại phiên tòa ông T thay đổi yêu cầu bà H bồi thường 30.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Vậy nên, không chấp nhận kháng cáo của ông T yêu cầu bà H bồi thường số tiền 30.000.000 đồng.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh T được miễn nộp theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14;

[4] Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh T;
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 123/2023/DS-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H bồi thường tổn thất tinh thần, thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm số tiền là 30.000.000 đồng.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Bích P và chị Nguyễn Thị Kim N không có yêu cầu gì trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Ông T được miễn nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV & THA Tỉnh;
- VKS tỉnh;
- Chi cục THA ds h. Thanh Bình;
- Tòa án h. Thanh Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (vh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

Nguyễn Thị Vĩnh